

Số: /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025; Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025; Luật Đường sắt số 95/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: Số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; số 222/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 về Trung tâm tài chính quốc tế; số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai; số 260/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 98/2023/QH15 về thi điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh; số 188/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 về thi điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt để phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ các Nghị quyết của Bộ Chính trị: Số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 09-NQ/TW ngày 19 tháng 5 năm 2026 về xây dựng và phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên mới; các nghị quyết của Trung ương có liên quan về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế tư nhân, giáo dục, y tế, văn hóa, bảo đảm an ninh năng lượng và phát triển bền vững;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP; Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 370/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 phê duyệt Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 1711/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 phê duyệt Quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 790/QĐ-TTg ngày 03 tháng 8 năm 2024 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 1629/QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 1125/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2025 phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060; số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 1736/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan, gồm: số 12/QĐ-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2025 phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 2404/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2025 phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 768/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2025 phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 442/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2024 phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 648/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2023 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; và các quyết định, chiến lược quốc gia khác có liên quan;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định nội dung, định mức chi phí, đơn giá, trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: số 1463/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2026 về việc giao cơ quan lập Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh và tổ chức huy động nguồn lực hỗ trợ hợp pháp để thực hiện; số 2039/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2026 ban hành kế hoạch lập Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh; số 2754/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2026 phê duyệt Đề cương Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm; số 3078/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2026 thành lập Tổ công tác tổ chức lập Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh; số 3114/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2026 phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch lập Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh; số 3379/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2026 về việc tiếp nhận nguồn lực hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân cho hoạt động lập Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh; số 3580/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2026 ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh; số 3795/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2026 thành lập Tổ chuyên gia hỗ trợ công tác lập Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ [Nghị quyết số .../NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thông qua Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm];

Căn cứ [Thông báo số .../TB-HĐTD ngày ... tháng ... năm 2026 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh về kết luận thẩm định Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm];

Căn cứ [Thông báo số .../TB-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về kết luận chủ trương phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm];

Xét đề nghị của [Sở Quy hoạch - Kiến trúc/Sở Tài chính/Cơ quan lập quy hoạch] tại Tờ trình số .../TTr-... ngày ... tháng ... năm 2026; ý kiến của các sở, ban, ngành, địa phương và hồ sơ Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm do [Liên danh tư vấn] lập,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên quy hoạch và đơn vị tư vấn lập quy hoạch

1.1. Tên quy hoạch: Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm.

1.2. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch gồm liên danh tư vấn/đơn vị tư vấn theo hồ sơ trình duyệt:

- Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia – Bộ Xây Dựng (VIUP),
- The Boston Consulting Group (BCG),
- Nikken Sekkei và các tổ chức, chuyên gia tư vấn liên quan; cập nhật đầy đủ tên pháp nhân theo hồ sơ trình duyệt ;

2. Phạm vi, quy mô, ranh giới và thời kỳ lập quy hoạch

2.1. Phạm vi nghiên cứu: Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính Thành phố Hồ Chí Minh và không gian liên kết với các tỉnh, thành phố xung quanh, gồm Tây Ninh, Đồng Nai, Đồng Tháp, Lâm Đồng, vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long và các khu vực không gian biển có liên quan; trong đó Thành phố Hồ Chí Minh giữ vai trò hạt nhân tăng trưởng, cửa ngõ giao thương quốc tế và trung tâm điều phối các chuỗi giá trị vùng.

2.2. Phạm vi lập quy hoạch: Toàn bộ địa giới hành chính Thành phố Hồ Chí Minh sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, với diện tích tự nhiên khoảng 6.772,59 km²; gồm 168 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 113 phường, 54 xã và 01 đặc khu Côn Đảo; bao gồm phần không gian biển, đảo, khu vực khai thác lấn biển và các không gian chức năng phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường của Thành phố.

2.3. Ranh giới lập quy hoạch: Phía Đông giáp thành phố Đồng Nai và tỉnh Lâm Đồng; phía Tây giáp tỉnh Tây Ninh và tỉnh Đồng Tháp; phía Bắc giáp tỉnh Tây Ninh và thành phố Đồng Nai; phía Nam giáp tỉnh Đồng Tháp và Biển Đông.

2.4. Thời kỳ, thời hạn và tầm nhìn lập quy hoạch: Thời kỳ Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2025 đến năm 2050; thời hạn quy hoạch đến năm 2050; tầm nhìn chiến lược dài hạn 100 năm, hướng tới mốc sau năm 2075 và xa hơn.

2.5. Dự báo quy mô dân số và sức chứa đô thị: Dân số trung bình toàn Thành phố

- Năm 2030 khoảng 15,5 - 16,0 triệu người;
- Năm 2035 khoảng 17,0 - 18,0 triệu người;
- Năm 2045 khoảng 20,0 - 21,0 triệu người;
- Năm 2050 khoảng 22,0 - 23,0 triệu người.

Dân số quy đổi, bao gồm dân số thường trú, tạm trú, lao động, học tập, giao thương, du lịch và các nhóm hiện diện đô thị khác, đến năm 2050 có thể đạt khoảng 27,8 triệu người.

Quy mô dân số chi tiết cho từng khu vực được xác định ở các bước quy hoạch phân khu, quy hoạch chung xã, quy hoạch chi tiết và chương trình phát triển đô thị trên cơ sở khả năng đáp ứng hạ tầng, điều kiện môi trường, sức chứa lãnh thổ và yêu cầu kiểm soát phát triển.

2.6. Định hướng quy mô sử dụng đất:

- Đến năm 2030 diện tích đất xây dựng toàn thành phố khoảng 280.000 -290.000 ha, chỉ tiêu trung bình 150 -155 m²/người;
- Đến năm 2035 diện tích đất xây dựng toàn thành phố khoảng 305.000 -315.000 ha, chỉ tiêu trung bình 145 -150 m²/người;
- Đến năm 2045 diện tích đất xây dựng toàn thành phố khoảng 335.000 -345.000 ha, chỉ tiêu trung bình 130 -135 m²/người;
- Đến năm 2050 diện tích đất xây dựng toàn thành phố khoảng 355.000 -365.000 ha, chỉ tiêu trung bình 125-130 m²/người.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất được thực hiện theo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ hành lang sông, biển, rừng, mặt nước, đất nông nghiệp có giá trị, khu vực dự trữ phát triển dài hạn và tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phân bổ.

3. Quan điểm, mục tiêu và tầm nhìn dài hạn

3.1. Quan điểm

(1) Xây dựng Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh là quy hoạch tích hợp, thống nhất, có giá trị định hướng tổ chức không gian phát triển, phân bổ nguồn lực, quản lý đô thị và nông thôn, bảo đảm đồng bộ giữa quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch và quy hoạch đô thị, nông thôn.

(2) Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo tầm nhìn dài hạn 100 năm, chuyển từ mô hình đô thị đơn tâm sang mô hình siêu đô thị đa cực, đa tâm, đa tầng, là tập hợp của các đô thị có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển đổi số, biến động kinh tế toàn cầu và yêu cầu cạnh tranh quốc tế trong thế kỷ XXI.

(3) Lấy con người làm trung tâm, chủ thể và mục tiêu của phát triển; nâng cao chất lượng sống, bảo đảm an sinh xã hội, cơ hội tiếp cận nhà ở, giáo dục, y tế, việc làm và dịch vụ đô thị

cho mọi nhóm dân cư, nhất là người lao động, công nhân, viên chức, người thu nhập thấp và các nhóm yếu thế.

(4) Tổ chức phát triển trên nền tảng phát huy lợi thế tổng hợp của Thành phố sau sáp nhập: trung tâm tài chính, thương mại, dịch vụ và đổi mới sáng tạo hiện hữu; cực công nghiệp, sản xuất và logistics của Bình Dương; hệ thống cảng biển nước sâu, kinh tế đại dương, du lịch, dịch vụ biển của Bà Rịa - Vũng Tàu; hệ sinh thái rừng ngập mặn Cần Giờ và không gian biển đảo Côn Đảo.

(5) Ưu tiên mô hình tăng trưởng mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế biển, kinh tế tầm thấp, kinh tế dữ liệu và các ngành công nghệ mới nổi; tăng năng suất không gian, tăng giá trị gia tăng, giảm phát triển dân trải và sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai.

(6) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo tồn di sản, văn hóa, cảnh quan sông nước, không gian biển, đa dạng sinh học, hệ sinh thái rừng ngập mặn và các vùng dự trữ sinh thái; phát triển đô thị xanh, đô thị bọt biển, đô thị thích ứng nước và phát thải thấp.

(7) Bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; chủ động hội nhập quốc tế; tăng cường liên kết vùng Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên, các hành lang kinh tế xuyên Á, cửa khẩu Mộc Bài, sân bay quốc tế Long Thành và hệ thống cảng biển quốc tế.

3.2. Mục tiêu tổng quát và mục tiêu theo lộ trình

a) Mục tiêu tổng quát: Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trở thành siêu đô thị quốc tế, trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, logistics, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế biển và văn hóa sáng tạo hàng đầu khu vực châu Á - Thái Bình Dương; là đô thị thông minh, xanh, hiện đại, có chất lượng sống cao, có năng lực cạnh tranh toàn cầu, có khả năng thích ứng cao với biến đổi khí hậu và giữ vai trò đầu tàu, động lực phát triển của cả nước.

b) Đến năm 2030: Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị văn minh, hiện đại, năng động và sáng tạo; trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, logistics và hội nhập quốc tế của cả nước; đi đầu trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và có vị trí nổi trội trong khu vực Đông Nam Á. Thành phố phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng GRDP tối thiểu 10%/năm; GRDP bình quân đầu người đạt tối thiểu 14.000 USD; kinh tế số chiếm khoảng 40% GRDP; hoàn thành khoảng 200 km đường sắt đô thị; từng bước giải quyết các điểm nghẽn về ngập úng, ô nhiễm môi trường, ùn tắc giao thông, nhà ở và chất lượng dịch vụ đô thị.

c) Đến năm 2035: Thành phố tiếp tục duy trì tăng trưởng GRDP tối thiểu 10%/năm; GRDP bình quân đầu người đạt tối thiểu 25.000 USD; kinh tế số chiếm khoảng 60% GRDP; chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì tối thiểu 0,9; hình thành rõ nét các cực động lực, các hệ liên kết chiến lược, các cụm kinh tế quy mô lớn, các khu đặc thù và nền tảng quản trị đô thị thông minh.

d) Đến năm 2045: Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, logistics, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và văn hóa xã hội hàng đầu châu Á; duy trì

tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2031 - 2045 tối thiểu 10%/năm; GRDP bình quân đầu người đạt tối thiểu 75.000 USD; HDI đạt tối thiểu 0,9; hoàn thành kết nối hệ thống đường sắt đô thị; phần đầu đạt mức phát thải ròng bằng “0”; cơ bản hoàn thiện cấu trúc siêu đô thị đa cực, đa trung tâm, đa tầng.

đ) Tầm nhìn đến năm 2075 và xa hơn: Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị toàn cầu, thông minh, hiện đại và phát triển toàn diện; sánh ngang với các đô thị hàng đầu thế giới; tăng trưởng xanh, bền vững, có chất lượng sống cao và có khả năng thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu. Thành phố phần đầu duy trì tốc độ tăng trưởng GRDP tối thiểu 6%/năm; GRDP bình quân đầu người đạt tối thiểu 100.000 USD; các chỉ số về công bằng xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển con người đạt trên 0,9.

3.3. Tầm nhìn 100 năm

Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị toàn cầu, thông minh, hiện đại, toàn diện, sánh ngang các đô thị hàng đầu thế giới; là trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, logistics, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo có tầm ảnh hưởng quốc tế; đồng thời là nơi hội tụ nhân tài, doanh nghiệp, dòng vốn, công nghệ và tri thức từ khắp nơi trên thế giới. Thành phố phát triển theo cấu trúc đa cực, đa trung tâm, đa tầng, vận hành bằng dữ liệu, có hệ thống hạ tầng xanh - xanh dương làm nền tảng sinh thái, bảo đảm sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, công bằng xã hội, bảo tồn di sản, bảo vệ môi trường và năng lực chống chịu lâu dài.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm và khâu đột phá phát triển

4.1. Các nhiệm vụ trọng tâm

(1) Xây dựng mô hình tăng trưởng mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển kinh tế số, kinh tế dữ liệu, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế biển, kinh tế tầm thấp và các ngành công nghệ mới nổi.

(2) Hoàn thiện thể chế phát triển, cơ chế phân quyền, phân cấp, mô hình quản trị đô thị đặc biệt, quản trị liên vùng và các cơ chế ưu đãi vượt trội để huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển.

(3) Tổ chức lại không gian phát triển theo mô hình siêu đô thị đa cực, đa trung tâm, đa tầng; hình thành các cực động lực, hệ liên kết chiến lược, vùng quản trị phát triển, cụm kinh tế quy mô lớn, khu đặc thù và các trung tâm dịch vụ cấp vùng, quốc gia và quốc tế.

(4) Phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng chiến lược: đường sắt đô thị, đường bộ cao tốc, vành đai, cảng biển, sân bay, logistics, hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu, hạ tầng năng lượng, hạ tầng chống ngập và thích ứng biến đổi khí hậu.

(5) Nâng cao chất lượng sống, bảo đảm tiếp cận công bằng về nhà ở, giáo dục, y tế, văn hóa, không gian công cộng, việc làm và dịch vụ đô thị; phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, nhà ở cho thuê, nhà ở giá phù hợp gắn với các cực đô thị, khu công nghiệp và đầu mối giao thông công cộng.

(6) Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, lịch sử, di sản đô thị, bản sắc Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, bản sắc công nghiệp Bình Dương, bản sắc sông nước, biển đảo Bà Rịa - Vũng Tàu,

Cần Giờ và Côn Đảo; phát triển công nghiệp văn hóa, kinh tế sáng tạo và du lịch chất lượng cao.

(7) Bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, tài nguyên biển, rừng ngập mặn, đa dạng sinh học; kiểm soát ô nhiễm không khí, nước thải, chất thải rắn; phục hồi hệ thống sông, kênh, rạch; phát triển đô thị bọt biển, hành lang xanh, vành đai xanh và hành lang xanh - xanh dương.

(8) Bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; tăng cường đối ngoại, hội nhập quốc tế; xây dựng chính quyền đô thị hiện đại, minh bạch, dựa trên dữ liệu, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

4.2. Các khâu đột phá phát triển

(1) Đột phá về tầm nhìn 100 năm và mô hình kinh tế mới: Kiến tạo đô thị toàn cầu, hiện đại, sánh ngang với các đô thị hàng đầu thế giới; thúc đẩy Việt Nam và khu vực chuyển dịch sang nền kinh tế giá trị gia tăng cao, dẫn dắt bởi đổi mới sáng tạo, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

(2) Đột phá tái cấu trúc kinh tế - xã hội: Tái cấu trúc nền kinh tế xoay quanh các ngành động lực gồm đổi mới sáng tạo cốt lõi; công nghệ đột phá mới, hạ tầng tính toán và trung tâm dữ liệu; nền tảng hạ tầng chiến lược; chất lượng sống và dịch vụ hiện đại; xác lập tham vọng tăng trưởng hai chữ số, đi cùng chương trình nâng cấp giáo dục, y tế, nhà ở và kỹ năng số.

(3) Đột phá quy hoạch đô thị và không gian: Phát triển Thành phố theo mô hình siêu đô thị đa cực, đa trung tâm, đa tầng; hình thành 17 cụm kinh tế quy mô lớn theo các ngành ưu tiên, 06 khu đặc thù với cơ chế ưu đãi riêng và sandbox chính sách; kết hợp khai thác không gian ngầm, mặt đất, trên cao và hạ tầng số; phát triển đô thị xanh, bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu.

(4) Đột phá về ưu đãi và quản trị: Xây dựng cơ chế, chính sách vượt trội có tính cạnh tranh toàn cầu; đổi mới phương thức triển khai quy hoạch thông qua Ban Chỉ đạo và các tổ công tác chuyên trách; trao quyền cho các cơ quan đầu mối dẫn dắt xúc tiến đầu tư, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển các công cụ tài chính đô thị như vốn dài hạn, trái phiếu đô thị, cơ chế thu hồi giá trị đất, hợp tác công tư và quỹ đầu tư chiến lược cấp Thành phố.

(5) Đột phá về hạ tầng: Tăng tốc triển khai các dự án hạ tầng trọng điểm, nhất là khoảng 200 km đường sắt đô thị đến năm 2030, các tuyến vành đai, cao tốc, kết nối Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Tây Ninh, Đồng bằng sông Cửu Long, sân bay Long Thành, cửa khẩu Mộc Bài, cảng Cái Mép - Thị Vải và cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ; phát triển hệ thống chống ngập tích hợp, hạ tầng số và đô thị thông minh.

5. Nội dung quy hoạch

5.1. Mô hình, cấu trúc và định hướng tổ chức không gian phát triển đô thị, nông thôn và biển đảo

a) Mô hình tổng thể: Cấu trúc phát triển Thành phố Hồ Chí Minh được tổ chức theo mô hình “5 cực động lực - 5 hệ liên kết chiến lược - 10 vùng quản trị phát triển”. Cực động lực là nơi hội tụ nguồn lực, giữ vai trò đầu kéo tăng trưởng. Hệ liên kết chiến lược là hệ thống truyền dẫn dòng hàng hóa, dòng vốn, dòng tri thức, dòng du khách, dòng dữ liệu, dòng năng lượng,

dòng nước và cấu trúc sinh thái. Vùng quản trị phát triển là không gian chức năng được quản lý theo điều kiện đất đai, hạ tầng, môi trường, bản sắc, sức chứa và yêu cầu kiểm soát phát triển riêng.

b) Năm cực động lực phát triển gồm:

(1) Cực lõi trung tâm quốc tế: Không gian trọng tâm gồm HCM lõi - Sài Gòn - Chợ Lớn - Thủ Thiêm - hai bờ sông Sài Gòn; là trung tâm quản trị, tài chính, CBD, dịch vụ toàn cầu, kinh tế tri thức, văn hóa sáng tạo và biểu tượng hình ảnh quốc tế của Thành phố.

(2) Cực đổi mới sáng tạo phía Đông: Không gian trọng tâm gồm Thủ Đức - Thuận An - Dĩ An và kết nối Long Thành; phát triển AI, bán dẫn, R&D, đại học, startup, công nghệ cao, kinh tế số; hướng tới hình thành thung lũng đổi mới sáng tạo của Đông Nam Á.

(3) Cực công nghiệp - logistics phía Bắc: Không gian trọng tâm gồm Bình Dương - Thủ Dầu Một - Bến Cát - Bàu Bàng; phát triển sản xuất tiên tiến, logistics, công nghiệp công nghệ cao, trung tâm phân phối vùng; là công xưởng công nghệ cao và logistics thông minh.

(4) Cực cảng biển - thương mại tự do phía Nam - năng lượng: Không gian trọng tâm gồm Cần Giờ - Cái Mép - Thị Vải - Phú Mỹ - Long Sơn; phát triển cảng trung chuyển quốc tế, khu thương mại tự do, logistics toàn cầu, kinh tế hàng hải, năng lượng và dịch vụ cảng biển; là trung tâm giao thương quốc tế của Việt Nam.

(5) Cực biển - du lịch: Không gian trọng tâm gồm Vũng Tàu - Long Hải - Hồ Tràm và các không gian biển, đảo có liên quan; phát triển du lịch quốc tế, nghỉ dưỡng, kinh tế biển, thể thao biển, chăm sóc sức khỏe, kinh tế đêm và năng lượng tái tạo ven biển; là không gian biển đẳng cấp quốc tế.

c) Năm hệ liên kết chiến lược gồm:

(1) Hệ liên kết kinh tế Bắc - Nam: Mộc Bài - Củ Chi - Hóc Môn - lõi trung tâm - Thủ Đức - Dĩ An - Thuận An - Biên Hòa - Nhơn Trạch - Phú Mỹ - Cái Mép - vịnh Gành Rái, dọc hệ sông Sài Gòn - Đồng Nai; kết nối kinh tế lục địa với kinh tế biển, thương mại biên giới, dịch vụ ven sông và thương mại cảng.

(2) Hệ liên kết kinh tế Đông - Tây: Kết nối Đồng bằng sông Cửu Long qua trung tâm Thành phố đến Cần Giờ, Vũng Tàu, Long Hải, Hồ Tràm, Bình Châu, Côn Đảo, sân bay quốc tế Long Thành và không gian biển Đông Nam Bộ; hình thành chuỗi du lịch biển, sinh thái, dịch vụ cảng, hàng không và kinh tế biển.

(3) Hệ liên kết công nghiệp, sản xuất, logistics đa phương thức: Tổ chức chuỗi sản xuất, kho vận, cảng biển, thương mại tự do, phân phối hàng hóa, kết nối các lớp công nghiệp phía Bắc, Tây Bắc với cảng biển và logistics Đông Nam thông qua Vành đai 3, Vành đai 4, cao tốc, đường sắt hàng hóa, đường thủy nội địa, ICD và sân bay Long Thành.

(4) Hệ liên kết hạ tầng đô thị đa tầng: Tổ chức mạng hạ tầng mặt đất, ngầm, không gian trên cao và hạ tầng số; phát triển TOD, đường sắt đô thị, giao thông công cộng, trung tâm trung chuyển, hành lang kỹ thuật, logistics đô thị, hạ tầng dữ liệu, bản sao số và hệ thống quản trị thông minh.

(5) Hệ liên kết xanh - xanh dương: Dựa trên hệ thống sông Sài Gòn, Đồng Nai, Nhà Bè, Soài Rạp, Thị Vải, rừng Cần Giờ, hồ Dầu Tiếng, hành lang ven biển, vùng sinh thái, vùng cảnh quan và vùng đệm đô thị; giữ vai trò hạ tầng sinh thái nền, điều tiết nước, giảm ngập, thích ứng biến đổi khí hậu, duy trì cân bằng sinh thái và định hình bản sắc siêu đô thị bền vững.

d) Mười vùng quản trị phát triển gồm:

(1) Vùng 1 - Lõi đô thị, tài chính, quản trị, di sản: Bao gồm Sài Gòn, Chợ Lớn, Thủ Thiêm và hai bờ sông Sài Gòn; ưu tiên tài chính, dịch vụ cao cấp, văn hóa, di sản, không gian công cộng ven sông, tái thiết đô thị, TOD và kiểm soát mật độ, chiều cao theo năng lực hạ tầng và yêu cầu bảo tồn.

(2) Vùng 2 - Đồi mới sáng tạo phía Đông: Bao gồm Thủ Đức, Dĩ An, Thuận An và liên kết Long Thành; phát triển công nghệ cao, R&D, đại học, kinh tế số, trung tâm dữ liệu, fintech, startup và đô thị tri thức.

(3) Vùng 3 - Tây - Tây Nam, cửa ngõ Đồng bằng sông Cửu Long: Phát triển logistics, y sinh, công nghiệp sạch, đô thị thích ứng nước, đầu mối Tân Kiên, không gian trữ nước và kết nối Thành phố với Đồng bằng sông Cửu Long.

(4) Vùng 4 - Đô thị công nghiệp - dịch vụ Bình Dương: Phát triển công nghiệp xanh, công nghiệp thế hệ mới, dịch vụ kỹ thuật, đô thị thông minh, sản xuất thông minh và các không gian tích hợp sản xuất - dịch vụ - nhà ở.

(5) Vùng 5 - Sinh thái và dự trữ phát triển: Bao gồm các khu vực Bắc, Tây Bắc Bình Dương và một số không gian sinh thái, dự trữ phía Đông Nam; giữ vai trò dự trữ đất đai dài hạn, bảo tồn sinh thái, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, điều tiết nước và kiểm soát phát triển tự phát.

(6) Vùng 6 - Phía Nam Nhà Bè - Hiệp Phước: Phát triển đô thị - cảng - logistics phía Nam, đô thị thích ứng nước, cảng, logistics, công nghiệp sạch, kết nối lõi trung tâm với Cần Giờ và Cái Mép.

(7) Vùng 7 - Sinh thái biển Cần Giờ: Không gian dự trữ sinh quyển, rừng ngập mặn, lá chắn sinh thái và thích ứng biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế xanh, kinh tế xanh dương, du lịch sinh thái, cảng trung chuyển quốc tế và các hoạt động kinh tế trong giới hạn sức chứa môi trường.

(8) Vùng 8 - Cảng biển, logistics, công nghiệp, năng lượng: Bao gồm Cái Mép - Thị Vải, Phú Mỹ, Long Sơn và các khu vực liên quan; phát triển cửa ngõ hàng hải quốc tế, logistics cảng biển, năng lượng, công nghiệp sạch, khu thương mại tự do và dịch vụ hậu cần hàng hải.

(9) Vùng 9 - Du lịch biển Vũng Tàu - Long Hải - Hồ Tràm: Phát triển du lịch biển chất lượng cao, nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, thể thao biển, kinh tế đêm, dịch vụ quốc tế; kiểm soát mật độ, bảo vệ bãi biển, hành lang ven biển và tiếp cận công cộng.

(10) Vùng 10 - Đặc khu Côn Đảo: Không gian đặc thù về sinh thái, di sản, quốc phòng, an ninh; phát triển du lịch cao cấp có kiểm soát, bảo tồn đa dạng sinh học biển, di sản lịch sử

cách mạng, mô hình đảo xanh, đảo thông minh và dịch vụ quốc tế phù hợp với sức chứa sinh thái.

đ) Định hướng phát triển đô thị, nông thôn và biển đảo: Thành phố phát triển theo cấu trúc siêu đô thị thống nhất nhưng đa bản sắc, trong đó lõi lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định là trung tâm tài chính, quản trị, văn hóa và di sản; Bình Dương là cực công nghiệp, đổi mới sáng tạo, sản xuất thông minh và logistics; Bà Rịa - Vũng Tàu là cực kinh tế biển, cảng biển, năng lượng và du lịch biển; Cần Giờ và Côn Đảo là không gian sinh thái, biển đảo, dự trữ sinh quyển, di sản và du lịch chất lượng cao. Khu vực nông thôn chuyển dịch theo hướng nông thôn đa chức năng, vừa là vùng dự trữ phát triển đô thị, công nghiệp và hạ tầng chiến lược, vừa là không gian bảo tồn sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao và kinh tế nông thôn hiện đại.

5.2. Tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội

a) Phương án liên kết quốc tế và liên vùng: Kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với quốc tế thông qua hệ thống cảng hàng không Tân Sơn Nhất - Long Thành, hệ thống cảng biển Sài Gòn - Hiệp Phước - Cái Mép - Thị Vải - Cần Giờ, cửa khẩu Mộc Bài, các tuyến đường bộ cao tốc, đường sắt quốc gia, đường sắt hàng hóa, đường thủy nội địa và hành lang kinh tế xuyên Á; tăng cường kết nối với Tây Ninh, Đồng Nai, Đồng Tháp, Lâm Đồng, Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên, vùng Đông Nam Bộ và các tuyến hàng hải quốc tế.

b) Phương hướng phát triển các ngành kinh tế trọng tâm: Tập trung phát triển các ngành, lĩnh vực có năng lực tạo giá trị gia tăng cao và khả năng cạnh tranh quốc tế, gồm dịch vụ số và trí tuệ nhân tạo; trung tâm kinh doanh, tài chính khu vực và quốc tế; công nghiệp công nghệ cao; công nghệ mới nổi; điện toán, trung tâm dữ liệu và hạ tầng tính toán; năng lượng sạch, LNG, năng lượng tái tạo và lưu trữ năng lượng; logistics tiên tiến; du lịch và giải trí cao cấp; thương mại - dịch vụ; kinh tế biển, hàng hải, cảng biển và dịch vụ dầu khí - năng lượng; nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, lâm nghiệp, thủy sản; kinh tế tuần hoàn, công nghiệp xanh, khu công nghiệp sinh thái; kinh tế chia sẻ và kinh tế bạc.

c) Phương hướng phát triển công nghiệp: Phát triển công nghiệp theo hướng công nghệ cao, công nghiệp sạch, thông minh, bền vững, có giá trị gia tăng cao; chuyển đổi các khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp hiện hữu sang khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp số, cụm công nghiệp hỗ trợ; ưu tiên công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp bán dẫn, AI, vật liệu mới, công nghệ sinh học, thiết bị năng lượng tái tạo, công nghệ pin, lưu trữ năng lượng, sản xuất thông minh và các ngành có khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

d) Phương hướng phát triển thương mại, dịch vụ, tài chính: Hình thành cấu trúc thương mại mới theo mô hình Thành phố đa trung tâm, trong đó lõi đô thị trung tâm giữ vai trò tài chính, quản trị, dịch vụ cao cấp; khu cảng biển và logistics giữ vai trò thương mại cảng, xuất nhập khẩu, trung chuyển hàng hóa; khu Đông và các trung tâm công nghệ giữ vai trò thương mại số, fintech, dịch vụ tư vấn công nghệ và kinh tế tri thức. Phát triển Trung tâm tài chính quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh gắn với Thủ Thiêm, lõi Sài Gòn và mạng lưới các khu chức năng hỗ trợ.

đ) Phương hướng phát triển kinh tế biển và du lịch: Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm kinh tế biển tổng hợp, gồm cảng biển quốc tế, logistics hàng hải, dịch vụ hàng hải, công nghiệp năng lượng, du lịch biển đảo, kinh tế đảo, bảo tồn biển và nghiên cứu đại dương. Phát triển chuỗi du lịch Sài Gòn - Chợ Lớn - Cần Giờ - Vũng Tàu - Long Hải - Hồ Tràm - Bình Châu - Côn Đảo; ưu tiên du lịch văn hóa, du lịch sông nước, du lịch biển, nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, thể thao biển, du lịch sinh thái và du lịch di sản.

e) Phương hướng phát triển văn hóa - xã hội: Phát triển văn hóa là nền tảng bản sắc, sức mạnh mềm và nguồn lực phát triển; bảo tồn, phát huy hệ thống di tích lịch sử, di sản văn hóa, lễ hội, không gian Chợ Lớn, các công trình kiến trúc lịch sử, không gian sông Sài Gòn, hệ sinh thái Cần Giờ, di sản Côn Đảo và bản sắc biển đảo. Phát triển giáo dục, y tế, thể dục thể thao, an sinh xã hội, nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, nhà ở cho thuê và dịch vụ xã hội theo cấu trúc đa cực, bảo đảm tiếp cận bình đẳng và nâng cao chất lượng sống.

5.3. Định hướng sử dụng đất, phân bố dân cư và quản lý phát triển

a) Nguyên tắc sử dụng đất: Sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm, khoa học, hài hòa giữa phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh và dự trữ phát triển dài hạn. Ưu tiên quỹ đất cho hạ tầng chiến lược, giao thông công cộng, TOD, đường sắt đô thị, cảng biển, logistics, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ số, trung tâm dữ liệu, không gian đổi mới sáng tạo, giáo dục, y tế, nhà ở xã hội, cây xanh, mặt nước, không gian công cộng và hạ tầng thích ứng khí hậu.

b) Kiểm soát phát triển: Kiểm soát chặt chẽ chuyển đổi đất nông nghiệp, đất rừng, đất ngập nước, đất ven sông, ven biển, vùng bãi bồi, vùng trũng, vùng có nguy cơ ngập, sạt lở và các khu vực nhạy cảm sinh thái; ưu tiên tái thiết đô thị, chỉnh trang đô thị, khai thác quỹ đất quanh các ga đường sắt đô thị và các nút giao thông công cộng trước khi mở rộng phát triển dân cư.

c) Phân bố dân cư: Phân bố dân cư theo nguyên tắc linh hoạt, thích ứng, cân bằng giữa quy mô dân số và năng lực cung ứng hạ tầng; từng bước giảm áp lực cho lõi trung tâm, phát triển các cực đô thị mới, đô thị công nghiệp - dịch vụ, đô thị đại học, đô thị cảng biển, đô thị sinh thái, đô thị biển và các khu vực phát triển định hướng giao thông công cộng.

d) Chuyển đổi số trong quản lý đất đai: Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, quy hoạch, hạ tầng, môi trường và dân cư thống nhất; ứng dụng GIS, bản sao số đô thị, mô hình mô phỏng, phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo trong quản lý quy hoạch, cấp phép, theo dõi biến động sử dụng đất, kiểm soát phát triển và đánh giá sức chứa đô thị.

5.4. Định hướng phát triển các khu chức năng

a) Công nghệ cao, công nghệ số, đổi mới sáng tạo và trung tâm dữ liệu: Phát triển hệ thống khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu nghiên cứu - phát triển, trung tâm dữ liệu, trung tâm điện toán AI, khu đô thị khoa học - công nghệ, phòng thí nghiệm trọng điểm và không gian thử nghiệm chính sách tại Thủ Đức, Bình Dương, các khu công nghiệp chuyển đổi và các cực đổi mới sáng tạo. Ưu tiên AI, bán dẫn, dữ liệu, an ninh mạng, điện toán đám mây, tự động hóa, robot, công nghệ sinh học, vật liệu mới và công nghệ năng lượng sạch.

b) Công nghiệp, logistics và khu thương mại tự do: Phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, logistics thông minh, cảng biển, cảng cạn, trung tâm phân phối, khu thương mại tự do, khu công nghiệp sinh thái và các cụm công nghiệp hỗ trợ. Tập trung tại Bình Dương - Bà Rịa - Bến Cát, khu vực Phú Mỹ - Cái Mép - Thị Vải - Long Sơn, Cần Giờ - Hiệp Phước, các hành lang vành đai, cao tốc, đường sắt hàng hóa và đường thủy nội địa.

c) Du lịch, văn hóa, thể thao và giải trí: Hình thành các không gian du lịch văn hóa, du lịch sông nước, du lịch biển, du lịch sinh thái, du lịch di sản, thể thao biển, công nghiệp văn hóa và kinh tế đêm. Phát triển các quảng trường, công viên, tuyến đi bộ, không gian công cộng ven sông, ven biển, bảo tàng, nhà hát, trung tâm biểu diễn, trung tâm triển lãm, khu thể thao quốc tế và các điểm nhân đô thị.

d) Giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học: Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao của Việt Nam và khu vực. Hình thành mạng lưới đại học, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục quốc tế, trung tâm đào tạo nghề và các khu đô thị đại học gắn với các cực tăng trưởng, đặc biệt là Thủ Đức, Bình Dương, khu Đông, khu biển - cảng và các ngành kinh tế chiến lược.

đ) Y tế, chăm sóc sức khỏe và kinh tế bạc: Phát triển hệ thống y tế đa cực, hiện đại, tiếp cận trình độ công nghệ thế giới, hướng tới mục tiêu Thành phố trở thành trung tâm chăm sóc sức khỏe khu vực ASEAN. Phát triển các tổ hợp y tế chất lượng cao, y tế số, y học chính xác, công nghệ y sinh, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, du lịch y tế, phục hồi chức năng, dưỡng lão và các dịch vụ kinh tế bạc.

e) Nhà ở và an sinh xã hội: Bố trí quỹ đất và cơ chế phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, nhà ở cho thuê, nhà ở giá phù hợp tại các cực đô thị mới, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu logistics, khu cảng biển, đầu mối giao thông công cộng và các khu vực tái thiết đô thị; bảo đảm đồng bộ với trường học, y tế, cây xanh, không gian công cộng, giao thông công cộng và thiết chế văn hóa.

g) Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và sinh thái: Phát triển nông nghiệp đô thị sinh thái, đa chức năng, đa giá trị; nông nghiệp công nghệ cao, giống nông nghiệp, thủy sản, dịch vụ hậu cần nghề cá, rừng ngập mặn, tín chỉ carbon, kinh tế sinh thái và các sản phẩm gắn với bản sắc vùng sông nước, biển đảo. Bảo vệ rừng Cần Giờ, hệ sinh thái ven biển, vùng đất ngập nước, vùng đệm sinh thái, khu bảo tồn thiên nhiên và hành lang đa dạng sinh học.

h) Quốc phòng, an ninh và không gian đặc thù: Bảo đảm yêu cầu quốc phòng, an ninh trong tổ chức không gian phát triển, nhất là khu vực biển, đảo, cảng biển, sân bay, cửa khẩu, hạ tầng chiến lược, không gian tầm thấp, hạ tầng dữ liệu, năng lượng và các khu vực biên giới, ven biển, đảo Côn Đảo. Các dự án phát triển phải tuân thủ quy định về bảo vệ công trình quốc phòng, an ninh và hành lang an toàn theo quy định của pháp luật.

5.5. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và không gian ngầm

a) Giao thông: Phát triển hệ thống giao thông xanh, bền vững, đa phương thức, kết nối hiệu quả giữa các cực động lực, các vùng quản trị phát triển và các cửa ngõ quốc tế. Ưu tiên đường sắt đô thị, đường sắt quốc gia và đường sắt hàng hóa; hoàn thành khoảng 200 km đường sắt đô thị vào năm 2030; phát triển các tuyến metro tiếp theo, Vành đai 3, Vành đai 4, cao tốc

Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, Thành phố Hồ Chí Minh - Chơn Thành, Biên Hòa - Vũng Tàu, Bến Lức - Long Thành, kết nối Long Thành, Cái Mép - Thị Vải, Cần Giờ, Bình Dương, Đồng bằng sông Cửu Long và Tây Ninh. Phát triển giao thông công cộng, giao thông điện, bến thủy, logistics đô thị, hạ tầng đi bộ, xe đạp và các mô hình TOD.

b) Cảng biển, sân bay, logistics: Nâng cấp, phát triển hệ thống cảng biển Sài Gòn - Hiệp Phước - Cần Giờ - Cái Mép - Thị Vải, cảng cạn, ICD, trung tâm logistics, kho vận thông minh và các đầu mối vận tải đa phương thức. Kết nối đồng bộ với sân bay Tân Sơn Nhất, sân bay quốc tế Long Thành, đường sắt, cao tốc, vành đai, đường thủy nội địa và hành lang kinh tế quốc tế.

c) Thoát nước, chống ngập và thích ứng biến đổi khí hậu: Xây dựng hệ thống quản lý rủi ro ngập tích hợp; chuyển từ tư duy thoát nhanh sang giữ nước, trữ nước, thấm nước, tái sử dụng nước và kiểm soát rủi ro theo lưu vực. Phát triển đô thị bọt biển, hồ điều hòa, không gian trữ nước, hành lang xanh - xanh dương, cống kiểm soát triều, trạm bơm, hệ thống quan trắc, SCADA, AI/IoT dự báo ngập thời gian thực và các công trình thích ứng nước cho khu vực thấp trũng, ven sông, ven biển.

d) Cấp nước và an ninh nguồn nước: Bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục cho dân cư, công nghiệp, dịch vụ, cảng biển, du lịch và các khu chức năng; ưu tiên khai thác nước mặt bền vững, giảm khai thác nước ngầm, bảo vệ lưu vực sông Đồng Nai - Sài Gòn, hồ Dầu Tiếng, hồ Phước Hòa, hệ thống hồ chứa và các nguồn nước chiến lược; phát triển mạng cấp nước thông minh, chống thất thoát và quản trị rủi ro nguồn nước.

đ) Thoát nước thải, chất thải rắn và kinh tế tuần hoàn: Phát triển hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, công nghiệp, y tế, du lịch đạt quy chuẩn; đối với các khu đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch mới phải có hệ thống xử lý nước thải độc lập trước khi xả ra môi trường. Tăng cường phân loại chất thải tại nguồn, tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải rắn bằng công nghệ hiện đại, giảm chôn lấp, phát triển kinh tế tuần hoàn và các khu xử lý chất thải cấp vùng.

e) Năng lượng, điện lực, LNG và năng lượng tái tạo: Phát triển hạ tầng năng lượng an toàn, hiện đại, thông minh, đáp ứng nhu cầu của siêu đô thị, công nghiệp công nghệ cao, cảng biển, trung tâm dữ liệu, giao thông điện và kinh tế biển. Ưu tiên nguồn điện sạch, lưới điện thông minh, năng lượng tái tạo, điện gió ngoài khơi, điện khí LNG, lưu trữ năng lượng, hydrogen và các công nghệ năng lượng mới phù hợp với lộ trình phát thải ròng bằng “0”.

g) Hạ tầng số, viễn thông và đô thị thông minh: Phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng dữ liệu, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, IoT, nền tảng AI dùng chung, bản sao số đô thị, hệ thống điều hành đô thị thông minh, an toàn thông tin và an ninh mạng; coi dữ liệu là nguồn lực phát triển và là nền tảng cho quản trị thời gian thực, cung cấp dịch vụ công, quản lý quy hoạch, vận hành hạ tầng và phát triển kinh tế số.

h) Không gian ngầm và không gian tầm thấp: Nghiên cứu phát triển không gian ngầm tại lõi trung tâm, Thủ Thiêm, các khu TOD, các ga đường sắt đô thị, trung tâm tài chính, trung tâm thương mại, khu logistics và các khu vực mật độ cao; tổ chức bãi đỗ xe, hành lang đi bộ ngầm, trung tâm thương mại ngầm, hào kỹ thuật, bể chứa nước ngầm, hạ tầng kỹ thuật và các công trình phòng chống thiên tai. Nghiên cứu không gian tầm thấp cho logistics đô thị, vận

chuyển y tế, giám sát hạ tầng, quản lý môi trường, taxi bay, drone và các ứng dụng đô thị thông minh theo cơ chế thử nghiệm có kiểm soát.

5.6. Bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng tài nguyên, phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu

Tổ chức phát triển Thành phố trên cơ sở bảo vệ hệ sinh thái xanh - xanh dương, tài nguyên nước, tài nguyên biển, rừng ngập mặn Cần Giờ, hệ sinh thái ven biển Bà Rịa - Vũng Tàu, hệ thống sông Sài Gòn - Đồng Nai - Nhà Bè - Soài Rạp - Thị Vải, hồ Dầu Tiếng và các vùng sinh thái quan trọng. Kiểm soát ô nhiễm không khí, nước mặt, nước ngầm, nước biển ven bờ, đất, trầm tích và tiếng ồn; phục hồi kênh rạch, hành lang sông, bờ biển và các khu vực suy thoái môi trường.

Chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, nước biển dâng, sụt lún, xâm nhập mặn, ngập lụt, sạt lở bờ sông, bờ biển và các loại hình thiên tai khác. Thiết lập hệ thống phân vùng rủi ro thiên tai; kiểm soát phát triển tại vùng thấp trũng, vùng có nguy cơ ngập, vùng ven biển và các khu vực nhạy cảm sinh thái; ưu tiên các giải pháp dựa vào thiên nhiên, hạ tầng xanh, hạ tầng xanh dương, đô thị bọt biển, công viên ngập nước, hồ điều hòa, hành lang thoát lũ và không gian thích ứng nước.

Các chương trình, dự án phát triển phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, bảo đảm tiêu chuẩn xanh, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải, giảm khai thác nước ngầm, xử lý nước thải, chất thải rắn và bảo vệ đa dạng sinh học theo quy định của pháp luật.

6. Danh mục chương trình, dự án, nhiệm vụ ưu tiên đầu tư

6.1. Giai đoạn 2026 - 2030: Ưu tiên các chương trình, dự án có tính chất nền tảng, tháo gỡ điểm nghẽn và tạo động lực tăng trưởng mới, gồm: tiếp tục triển khai các tuyến metro số 1, số 2 và chuẩn bị các tuyến đường sắt đô thị tiếp theo; đầu tư, nâng cấp các tuyến vành đai, cao tốc, trục chính đô thị, cầu qua sông, kết nối cảng biển, sân bay, cửa khẩu; phát triển giao thông công cộng, xe buýt điện, trung chuyển đa phương thức; xây dựng hạ tầng cấp nước, cấp điện, thoát nước, chống ngập, xử lý nước thải, xử lý chất thải rắn; phát triển công viên, cây xanh, không gian công cộng; phát triển hạ tầng số, trung tâm dữ liệu, đô thị thông minh; triển khai các khu đô thị mới, khu tái thiết, nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, nhà ở cho thuê; phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ, văn hóa, xã hội, khoa học công nghệ và khu nông nghiệp công nghệ cao.

6.2. Giai đoạn 2031 - 2045: Ưu tiên hoàn thiện mạng lưới đường sắt đô thị, các trục vành đai, cao tốc, đường sắt hàng hóa, cảng biển quốc tế, khu thương mại tự do, trung tâm logistics, trung tâm tài chính quốc tế, các cụm kinh tế quy mô lớn, các khu đặc thù, khu công nghệ cao, khu công nghệ số, trung tâm dữ liệu, tổ hợp y tế, đại học, đổi mới sáng tạo, tái thiết đô thị, không gian ngầm, hạ tầng chống ngập, hạ tầng xanh - xanh dương và các chương trình chuyển đổi xanh.

6.3. Giai đoạn 2046 - 2050 và tầm nhìn đến 2075, xa hơn: Hoàn thiện cấu trúc siêu đô thị toàn cầu, hệ thống hạ tầng đa tầng, mạng đô thị thông minh, hạ tầng năng lượng sạch, không

gian biển - đảo, trung tâm tài chính, thương mại, logistics, đổi mới sáng tạo, kinh tế biển, du lịch quốc tế, hành lang sinh thái và các chương trình nâng cao chất lượng sống đạt chuẩn đô thị hàng đầu thế giới.

6.4. Danh mục cụ thể các chương trình, dự án, nhiệm vụ ưu tiên đầu tư kèm theo Quyết định này được rà soát, cập nhật theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, ngân sách nhà nước, đất đai, xây dựng, quy hoạch đô thị và nông thôn, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh và các quy định có liên quan.

7. Giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch

a) Giải pháp huy động vốn: Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện quy hoạch rất lớn, được huy động từ ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước, FDI, PPP, ODA, trái phiếu đô thị, quỹ đầu tư hạ tầng, quỹ đầu tư chiến lược, nguồn thu từ khai thác quỹ đất, cơ chế thu hồi giá trị đất, cơ chế phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng và các nguồn vốn hợp pháp khác. Giai đoạn 2026 - 2030 dự kiến nhu cầu vốn khoảng 8,0 - 8,9 triệu tỷ đồng; giai đoạn 2031 - 2035 khoảng 17,1 - 19,0 triệu tỷ đồng; giai đoạn 2036 - 2045 khoảng 96 - 112 triệu tỷ đồng; giai đoạn 2046 - 2075 khoảng 900 - 1.200 triệu tỷ đồng. Các số liệu này được tiếp tục rà soát trong Kế hoạch thực hiện quy hoạch và kế hoạch đầu tư trung hạn, dài hạn.

b) Giải pháp phát triển nguồn nhân lực: Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành chiến lược; mở rộng hợp tác với đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp trong nước và quốc tế; đổi mới giáo dục nghề nghiệp, kỹ năng số, kỹ năng xanh; thu hút chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài và nguồn nhân lực quốc tế tham gia phát triển Thành phố.

c) Giải pháp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo cấp vùng và quốc tế; phát triển dữ liệu là nguồn lực sản xuất mới; hình thành các khu thử nghiệm chính sách, phòng thí nghiệm trọng điểm, quỹ đổi mới sáng tạo, trung tâm chuyển đổi số, nền tảng AI dùng chung và hệ thống quản trị đô thị dựa trên dữ liệu.

d) Giải pháp phát triển nguồn lực đất đai: Khai thác hiệu quả quỹ đất quanh ga đường sắt đô thị, các nút giao thông công cộng, các khu tái thiết, khu đô thị mới, khu công nghiệp chuyển đổi, khu cảng biển, logistics và các hành lang phát triển; bảo đảm minh bạch, công khai, kiểm soát lợi ích công, tái định cư, sinh kế và quyền lợi hợp pháp của người dân.

đ) Giải pháp môi trường và khí hậu: Triển khai chương trình kiểm soát ô nhiễm, xử lý nước thải, chất thải rắn, chuyển đổi năng lượng sạch, giảm phát thải, phát triển công trình xanh, đô thị bọt biển, phục hồi kênh rạch, bảo vệ rừng ngập mặn, tăng diện tích cây xanh, mặt nước, hành lang sinh thái và hệ thống quan trắc môi trường, thiên tai theo thời gian thực.

e) Giải pháp cơ chế, chính sách đặc thù: Cụ thể hóa các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh; xây dựng cơ chế cho các khu đặc thù, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế, khu công nghệ cao, khu công nghệ số, khu cảng biển, trung tâm năng lượng, khu thương mại và văn hóa, khu đô thị TOD, khu tái thiết và các khu vực cần thí điểm chính sách mới.

g) Giải pháp quản lý, kiểm soát phát triển đô thị, nông thôn, ven sông, ven biển: Ban hành quy định quản lý theo quy hoạch, quy chế quản lý kiến trúc, thiết kế đô thị, quy định quản lý phát triển ven sông, ven biển, không gian ngầm, không gian tầm thấp, khu vực bảo tồn, khu vực hạn chế phát triển, khu vực có nguy cơ thiên tai; tăng cường giám sát cộng đồng, công khai dữ liệu quy hoạch và xử lý nghiêm các vi phạm.

h) Giải pháp tổ chức thực hiện, điều phối và giám sát: Thiết lập cơ chế điều phối cấp Thành phố, các tổ công tác chuyên trách theo ngành, theo cực động lực, theo hệ liên kết và vùng quản trị phát triển; xây dựng bộ chỉ số theo dõi thực hiện quy hoạch, cập nhật dữ liệu định kỳ, báo cáo công khai và điều chỉnh linh hoạt theo quy định của pháp luật.

8. Quy định quản lý theo quy hoạch

(1) Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm sau khi được phê duyệt là căn cứ pháp lý để tổ chức lập, điều chỉnh, quản lý các quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, chương trình phát triển đô thị, kế hoạch đầu tư công, kế hoạch sử dụng đất, các chương trình, dự án đầu tư và các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố.

(2) Các quy hoạch, chương trình, dự án, nhiệm vụ đã được phê duyệt hoặc đang triển khai phải được rà soát để xác định nội dung còn phù hợp, nội dung cần kế thừa, nội dung cần điều chỉnh, bổ sung hoặc dừng triển khai theo quy định; bảo đảm không hợp thức hóa các sai phạm đã được kết luận bởi cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra hoặc cơ quan có thẩm quyền.

(3) Khu vực ven sông, ven biển, rừng ngập mặn, đặc khu Côn Đảo, các vùng sinh thái, vùng ngập nước, vùng có nguy cơ thiên tai, khu di sản, khu quốc phòng, an ninh, hành lang an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật và các không gian công cộng phải được quản lý chặt chẽ theo quy định pháp luật và quy định quản lý riêng.

(4) Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan xây dựng, trình ban hành Quy định quản lý theo Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm; tổ chức công bố, công khai, lưu trữ hồ sơ quy hoạch và quản lý dữ liệu quy hoạch trên nền tảng số.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao [Cơ quan lập quy hoạch] chủ trì, phối hợp với đơn vị tư vấn và các cơ quan liên quan hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm theo đúng Quyết định này; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu, hệ thống cơ sở dữ liệu, bản đồ, sơ đồ, thuyết minh, bản vẽ, phụ lục và sự thống nhất của toàn bộ hồ sơ quy hoạch theo quy định pháp luật.

2. Giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì rà soát, đóng dấu xác nhận tại báo cáo thuyết minh, bản vẽ và các thành phần hồ sơ quy hoạch; tổ chức công bố công khai, lưu trữ, quản lý hồ sơ quy hoạch; tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định quản lý theo quy hoạch được duyệt và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 - 2050, tầm nhìn 100 năm.

3. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách, giải pháp huy động nguồn lực, cơ chế tài chính đô thị, kế hoạch đầu tư công, PPP, trái phiếu đô thị, quỹ đầu tư chiến lược, cơ chế khai thác quỹ đất và các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện quy hoạch.

4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì rà soát, cập nhật chỉ tiêu sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, phương án bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên nước, tài nguyên biển, rừng, đa dạng sinh học, phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu phù hợp với quy hoạch được duyệt.

5. Giao Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chánh, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch, Sở Nội vụ, Công an Thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố và các sở, ngành liên quan rà soát, cập nhật, tổ chức triển khai các chương trình, dự án, nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý phù hợp với Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh được duyệt.

6. Giao Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp, Ban Quản lý Khu công nghệ cao, Ban Quản lý Khu đô thị mới Thủ Thiêm, các ban quản lý khu chức năng, cảng biển, khu công nghiệp, khu công nghệ, khu đô thị, khu du lịch, khu đặc thù và các đơn vị có liên quan tổ chức rà soát, điều chỉnh, triển khai quy hoạch, dự án, chương trình phát triển theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

7. Giao Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu Côn Đảo tổ chức quản lý phát triển đô thị, nông thôn, biển đảo, đất đai, xây dựng, môi trường và các hoạt động kinh tế - xã hội theo đúng quy hoạch; công bố thông tin quy hoạch đến người dân, doanh nghiệp; kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm theo thẩm quyền.

8. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư, nhà đầu tư và các bên liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện quy hoạch, bảo đảm đồng bộ, minh bạch, hiệu quả, hài hòa lợi ích của Nhà nước, người dân, doanh nghiệp và cộng đồng.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Quy hoạch - Kiến trúc, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Giao thông công chánh, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa và Thể thao, Du lịch, Nội vụ; Giám đốc Công an Thành phố; Chỉ huy trưởng Bộ Tư lệnh Thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu Côn Đảo; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- UBND các tỉnh, thành phố liên quan;
- VP UBND Thành phố;
- Lưu: VT, ĐT.